

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA & MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT



AN PHÁT PLASTIC

Không ngừng sáng tạo, vững bước tiến lên

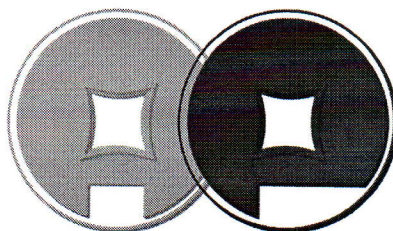
BÁO CÁO 2016
Thường Niên

www.anphatplastic.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2016

Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**
Tên tiếng Anh **An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company**
Tên viết tắt **An Phat., JSC**
Logo



Giấy CNĐKKD 0800373586 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 23/12/2016
Vốn Điều lệ 569.649.880.000 đồng
Trụ sở chính Lô CN 11+ CN 12, Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Điện thoại 03203.755.998
Fax 03203.755.113
Website www.anphatplastic.com
Mã cổ phiếu AAA

Hải Dương, tháng 02 năm 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	4
1. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
2. Các thành tích đạt được.....	6
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	7
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	9
4.1 Mô hình quản trị.....	9
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	10
4.3 Các công ty con, công ty liên kết.....	10
5. Định hướng phát triển.....	10
6. Các rủi ro.....	10
6.1 Rủi ro về kinh tế.....	10
6.2 Rủi ro về luật pháp.....	14
6.3 Rủi ro đặc thù ngành.....	15
6.4 Rủi ro về nguyên vật liệu.....	15
6.5 Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	16
6.6 Rủi ro khác.....	16
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	16
1.2 Những thay đổi chính trong năm.....	17
2. Tổ chức và nhân sự.....	17
2.1 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.....	17
2.2 Thay đổi Ban điều hành trong năm.....	19
2.3 Nguồn nhân lực.....	19
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	20
3.1 Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.....	20
3.2 Tình hình đầu tư.....	22
4. Tình hình tài chính.....	23
4.1 Tình hình tài chính.....	23
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	23
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	24
5.1 Cổ phần đang lưu hành.....	24
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	24
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	24
6. Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	25
6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu.....	25
6.2 Tiêu thụ năng lượng.....	26

6.3	Tiêu thụ nước.....	26
6.4	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	27
6.5	Chính sách liên quan đến người lao động	27
6.6	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng	28
III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....		30
1.	Kết quả hoạt động	30
1.1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
1.2	Tình hình tài chính.....	31
1.3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	33
2.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	35
3.	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	36
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....		36
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng giám đốc	36
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	37
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....		38
1.	Hội đồng quản trị.....	38
2.	Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	40
3.	Hoạt động của Hội đồng quản trị	40
3.1	Vai trò của HĐQT	40
3.2	Hoạt động của HĐQT.....	41
VI. BAN KIỂM SOÁT		43
1.	Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	43
2.	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	44
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	46
3.1	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	46
3.2	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	46
3.3	Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016	46
3.4	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	47
PHỤ LỤC		48

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát được thành lập ngày 9/3/2007 có những cột mốc phát triển quan trọng như sau:

Thời gian	Đấu mốc phát triển
▪ Tháng 9/2002	Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập với 02 thành viên, số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.
▪ Tháng 4/2004	Trước sự tăng trưởng nhanh chóng về quy mô thị trường và nhu cầu sản xuất, Công ty đã thuê 10.000 m ² đất tại KCN Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005 với nhiều sản phẩm chất lượng tốt đã chiếm lĩnh được thị trường và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất miền Bắc.
▪ Tháng 6/2005	UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho Công ty thuê 19.967 m ² đất tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đồng trong thời gian 25 năm. Công ty đã đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
▪ Năm 2006	Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Anh Hai Duy thống nhất phương án chuyển đổi Công ty thành Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát.
▪ Tháng 3/2007	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
▪ Tháng 4/2007	Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 30 tỷ đồng được phát hành cho các cổ đông mới.
▪ Tháng 12/2007	Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 66 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 6 tỷ đồng được phát hành cho Beira Limited, nâng tổng số cổ phần của Beira Limited trong Công ty lên 800.000 cổ phần
▪ Tháng 02/2008	Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 800 tấn sản phẩm/tháng, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đồng –

Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động.

- **Tháng 9/2009** Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng hàng tháng khoảng 800 tấn/tháng.
- **Tháng 11/2009** Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “*sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường*”.
- **Tháng 4/2010** Ngày 17/04/2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 37.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành được hoàn tất vào ngày 15/05/2010.
- **Tháng 7/2010** Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.
- **Tháng 10/2010** Nhà máy sản xuất CaCO₃ của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm.
- **Tháng 8/2011** Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 1.500 tấn sản phẩm/tháng.
- **Tháng 8/2012** An Phát nộp hồ sơ xin phát hành 9.900.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- **Tháng 11/2012** An Phát hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.000 đồng.
- **Tháng 12/2012** An Phát hoàn tất việc lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm lên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội
- **Tháng 12/2013** Nhà máy sản xuất số 5 (Nhà máy 1 mở rộng theo Hồ sơ xin phát hành 2012) hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy sẽ được xuất khẩu sang Nhật Bản.
- **Tháng 7/2014** An Phát nộp hồ sơ xin phát hành 19.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- **Tháng 10/2014** An Phát hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 396.000.000.000 đồng
- **Tháng 11/2014** An Phát hoàn tất việc lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- **Tháng 9/2015** An Phát thực hiện phát hành 9.899.988 cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ lên 494.999.880.000 đồng.
- **Tháng 11/2015** An Phát hoàn tất việc lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- **Tháng 5/2016** Phát hành thành công cổ phiếu cho theo chương trình lựa chọn cho người lao động nâng vốn Điều lệ lên 518.999.880.000 đồng.
- **Tháng 11/2016** Chuyển niêm yết cổ phiếu AAA từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE).
- **Tháng 12/2016** Phát hành 5.065.000 cổ phiếu theo đề nghị thực hiện chứng quyền đợt 1 của Nhà đầu tư tăng vốn Điều lệ lên 569.649.880.000 đồng.

2. Các thành tích đạt được

- Top 5 doanh nghiệp niêm yết (DNNY) có hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2016 do Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) phối hợp cùng Vietstock tổ chức bình chọn.
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất HNX năm 2014-2015.
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ tổ quốc năm 2012.
- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong Hợp tác kinh tế Quốc tế của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế.
- Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu mạnh năm: 2007, 2008, 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam năm 2008, 2009, 2010
- Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương năm 2009, 2010, 2011, 2013
- Cùng nhiều bằng khen và giải thưởng uy tín khác

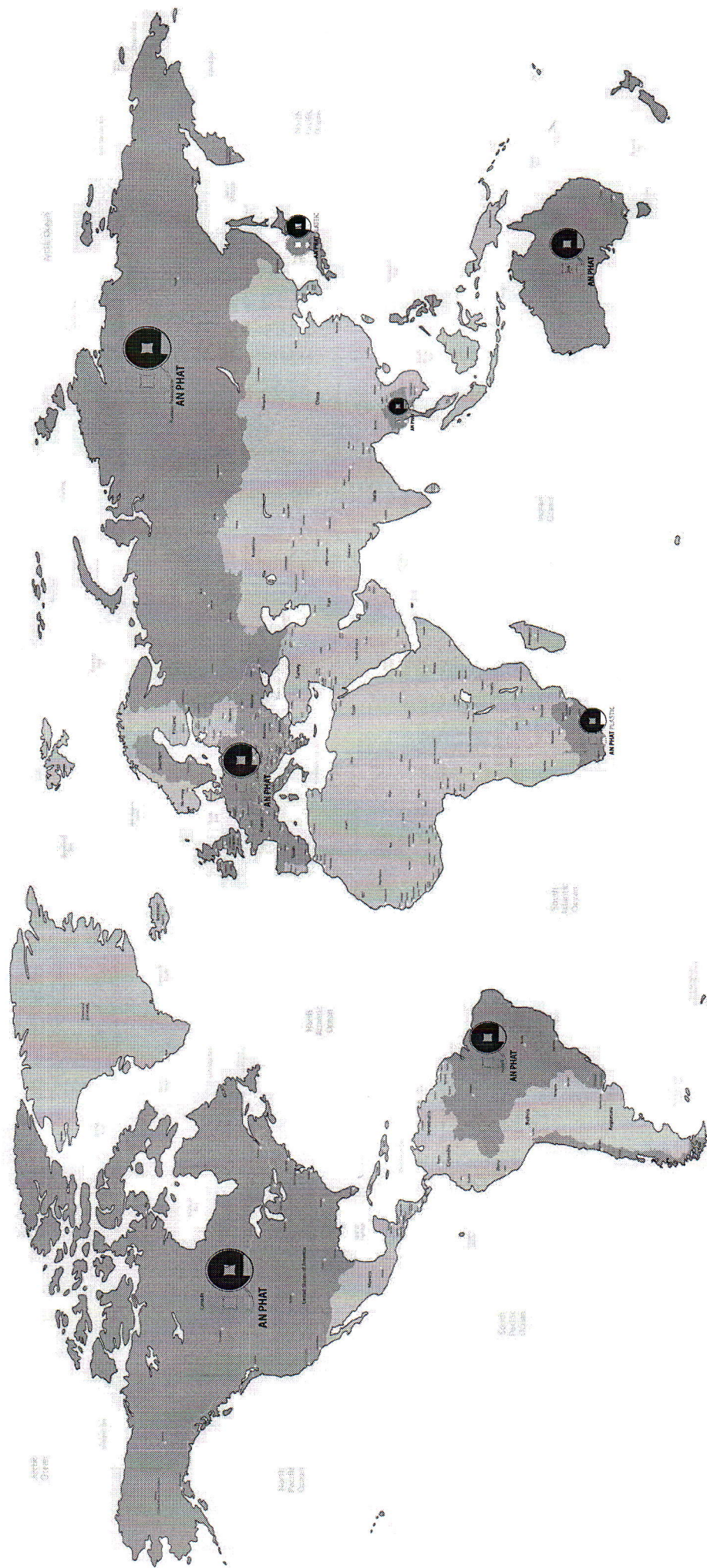
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động
Bao bì nhựa	<p>An Phát là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa tự phân hủy.</p> <p>Bên cạnh các dòng sản phẩm truyền thống trong những năm qua, công ty đã và đang không ngừng nghiên cứu, thí nghiệm sản xuất thành công những dòng sản phẩm bao bì chất lượng, thân thiện và phù hợp với nhu cầu của thị trường.</p> <p>Sản phẩm của An Phát được tiêu thụ trên các thị trường lớn của thế giới như: EU, Mỹ, Châu Phi, Singapo, Nhật Bản...</p>
Hạt nhựa	<p>Bên cạnh việc nhập khẩu hạt nhựa cho hoạt động sản xuất của mình, An Phát cũng chú trọng tới lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa cho các nhà máy của Việt Nam. Hàng năm hoạt động này cũng tạo doanh thu đáng kể cho An Phát.</p>

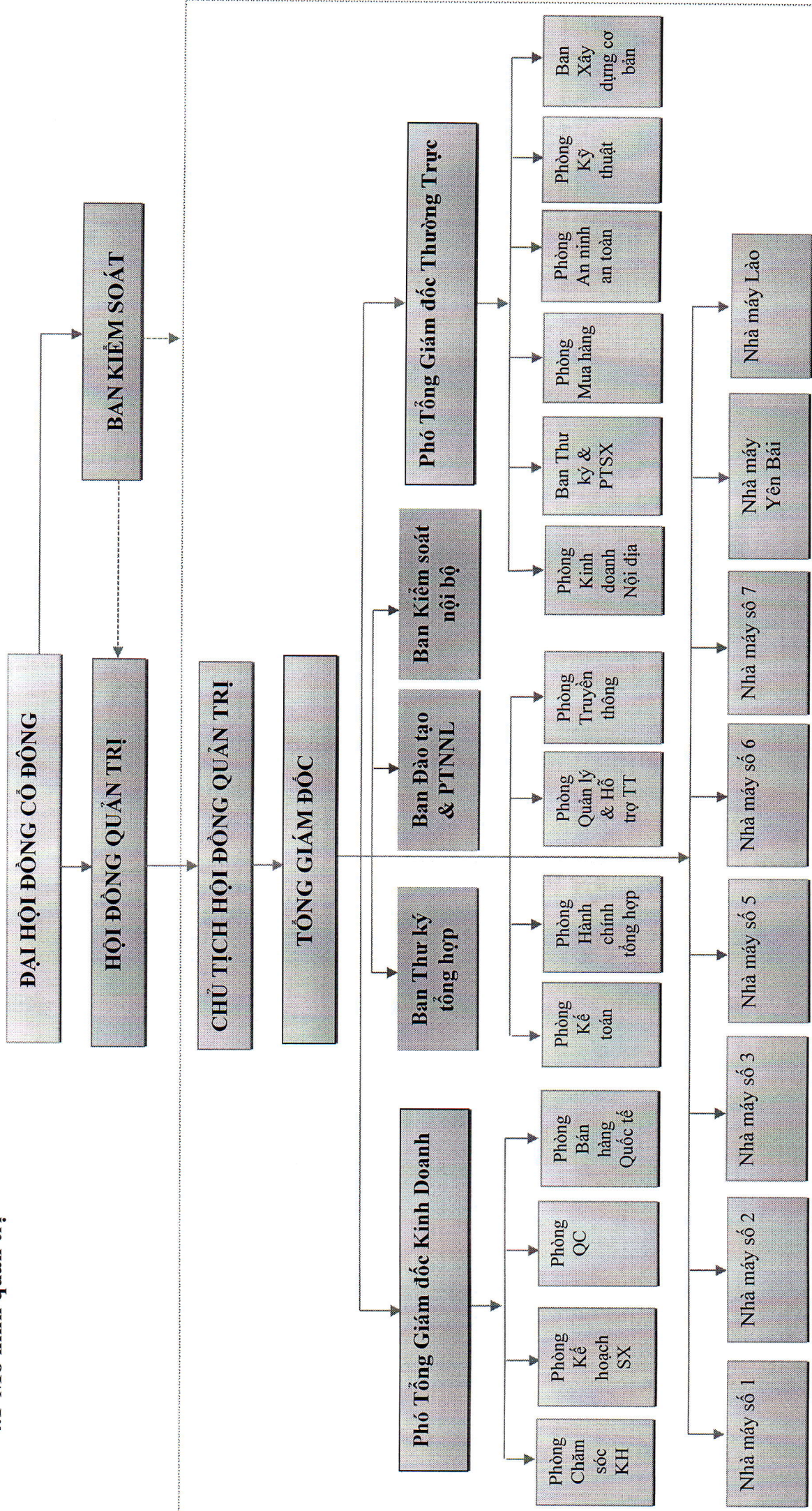
- **Địa bàn kinh doanh:** Hiện công ty xuất khẩu 100% tổng sản lượng bao bì nhựa ra nước ngoài tới các thị trường chủ yếu: Châu Âu, Nhật Bản, Úc, Mỹ...

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CỦA AN PHÁT



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

AAA có trụ sở chính tại Lô CN 11 + CN 12, Cụm CN An Đồng, TT Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và 01 VP Đại diện tại Hà Nội, 01 Văn phòng đại diện tại Nhật Bản và 01 Văn phòng đại diện tại Thụy Điển.

4.3 Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	136.000.000.000 VND	72,79%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH nhựa Thakhek	Công ty con	2.500.000 USD	100%	Đang thu hồi vốn đầu tư
3	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh(*)	Công ty liên kết	29.999.890.000 VND	33,22%	Đang hoạt động

(*) Công ty đã tiến hành thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 10/01/2017 để đầu tư vào các dự án mới.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Phát triển nhanh mạnh, lấy sản xuất bao bì tự huỷ làm ngành chủ đạo
 - Phân đầu trở thành doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất Đông Nam Á.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Công ty tập trung nhân lực và vật lực cho các hoạt động sản xuất bao bì thân thiện với môi trường, hoàn thành các dự án đang triển khai, nhanh chóng đưa sản phẩm vào thị trường thu lợi nhuận cao nhất.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
 - An Phát phân đầu trở thành doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội trong ngành bao bì nói chung và trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng. Đảm bảo các hoạt động sản xuất tuân thủ đúng quy định pháp luật về môi trường; lương và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động luôn duy trì ở mức cao.

6. Các rủi ro

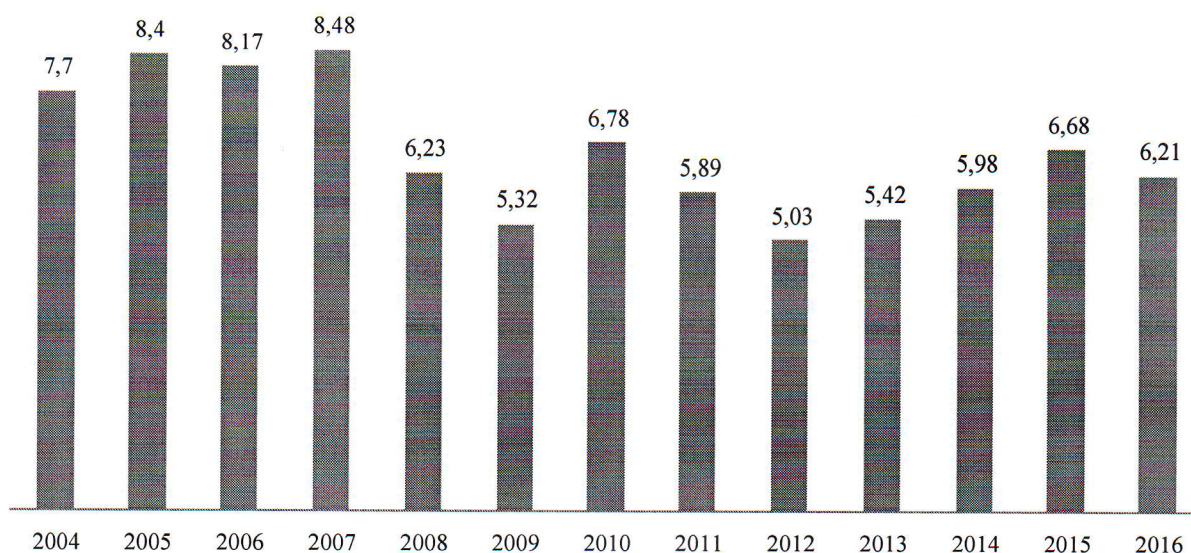
6.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty có rất nhiều hoạt động thương mại với các đối tác nước ngoài như Đức hoặc Nhật Bản.

• **Tăng trưởng kinh tế**

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015, tăng chậm hơn mức tăng trưởng 6,68% năm 2015 tuy nhiên vẫn đạt mức cao trong 5 năm qua (năm 2012 tăng 5,03%, năm 2013 tăng 5,42%, năm 2014 tăng 5,98%, năm 2015 tăng 6,68%).

Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2004 - 2016

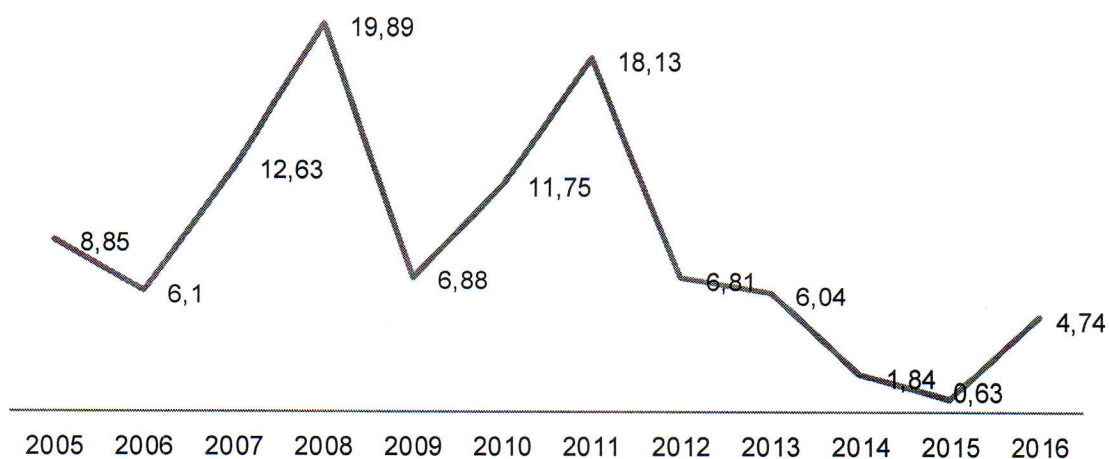


Theo Tổng cục Thống kê, nguyên nhân của mức tăng trưởng thấp hơn so với mục tiêu của chính phủ là do khí hậu khắc nghiệt, thiên tai biển và nền kinh tế toàn cầu không thuận lợi, khiến sản lượng nông nghiệp và khai khoáng giảm sút. Bên cạnh đó Việt Nam cũng đang phải đối mặt với một số thách thức kinh tế vĩ mô như sự phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới khiến nhu cầu và giá cả nhiều mặt hàng trên thế giới giảm rất mạnh.

Do vậy những biến động thất thường của nền kinh tế toàn cầu sẽ là thách thức lớn đối các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Mặc dù vậy, nhìn chung ngành bao bì và môi trường là ngành giữ được mức ổn định cao do nhu cầu không suy giảm mạnh.

• Lạm phát

Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn tạo ra những biến động bất thường về giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn năm 2012 – 2014, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp tích cực để kiềm chế lạm phát duy trì tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng ở mức 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013 và 1,84% trong năm 2014. Trong năm 2015, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,63% so với cuối năm 2014. Đây là mức lạm phát thấp nhất trong 14 năm trở lại. Tuy nhiên theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê Việt Nam tỷ lệ lạm phát đã tăng mạnh trong năm 2016, tuy nhiên vẫn được kiểm soát thành công khi đạt mức 4,74%.

• Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong năm 2016 với điều kiện thị trường diễn biến thuận lợi, lãi suất cho vay của các tổ chức ngân hàng được duy trì ở mức thấp và ổn định để hỗ trợ cho nền kinh tế nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Mặt khác trần lãi suất huy động nhiều khả năng tiếp tục ổn định như hiện

nay. Chính sách tín dụng sẽ tiếp tục được điều hành theo phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn hiệu quả. Ngoài ra, Ngân hàng nhà nước tiếp tục triển khai các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn nhằm vượt qua những khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Trong năm 2016, theo Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6% - 7%/năm đối với ngắn hạn và 9% - 10%/năm đối với trung, dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8% - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay từ 4% - 5%/năm.

Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 mà Chính phủ ban hành, Ngân hàng Nhà nước sẽ tham gia vào các đầu mục việc như: duy trì lãi suất hợp lý, hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn, thực hiện đồng bộ lộ trình hạn chế tín dụng ngoại tệ. Nhìn chung, mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ so với năm 2015 khoảng vài chục điểm cơ bản tùy từng kỳ hạn từ ngắn đến trung và dài hạn, trong đó có hai đợt điều chỉnh tương đối rõ vào quý I và cuối quý IV của năm.

Cụ thể, với tổng số dư nợ vay tài chính tại ngày 31/12/2016 gần 2.123 tỷ đồng (BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016), việc thay đổi lãi suất cho vay sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chi phí lãi vay của Công ty. Tuy nhiên với mức hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu đạt mức 2,22, Ban lãnh đạo Công ty cũng chú trọng quản trị rủi ro lãi suất để chủ động giảm thiểu các ảnh hưởng của biến động lãi suất trong thời gian tới.

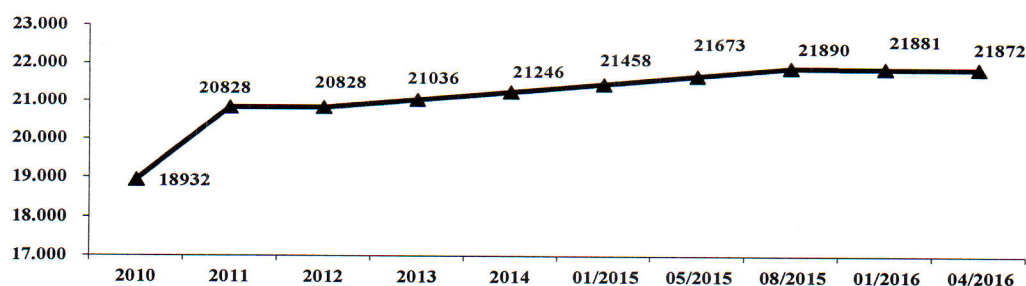
• Tỷ giá

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Theo Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia nhận định, thị trường ngoại hối khá ổn định trong suốt năm 2016, duy chỉ có biến động nhẹ vào cuối năm do yếu tố mùa vụ và ảnh hưởng tâm lý của việc USD tăng giá trên thị trường thế giới sau kết quả bầu Tổng thống Mỹ. Thực tế cho thấy, biến động tỷ giá trong năm 2016 chủ yếu diễn ra trong Quý IV, sau hai sự kiện lớn tại Mỹ. Diễn biến của cuộc bầu cử Tổng thống tại Mỹ cùng với quyết

định tăng lãi suất của Fed đã khiến đồng USD mạnh lên so với hầu hết các đồng tiền lớn khác, dẫn tới xáo động trên thị trường tỷ giá của Việt Nam.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái chủ yếu liên quan đến các khoản vay trị giá 33,5 triệu Đô la Mỹ (USD) tại ngày 31/12/2016 (BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thống kê biến động tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ qua các năm



Nguồn: Tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước

Mặc dù vậy, do các sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu ra nước ngoài nên Công ty có thể chủ động ổn định nguồn ngoại tệ (chủ yếu là USD) để đảm bảo cân bằng thanh toán. Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro của biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra chính sách quản lý chặt chẽ, đa dạng hóa nguồn cung cấp từ các nước và có kế hoạch tăng cường việc xuất khẩu hàng hóa, thu nhiều ngoại tệ về hơn để cân đối nguồn ngoại tệ chi ra.

6.2 Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty.

Là một công ty đại chúng, ngoài sự tác động và chi phối chính của Luật Doanh nghiệp, AAA còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị

trường Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Luật doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực từ 01/07/2015 có nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu các thủ tục hành chính và nâng cao hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

6.3 Rủi ro đặc thù ngành

Lĩnh vực sản xuất bao bì nói chung và bao bì thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Số lượng của các công ty mới xâm nhập vào ngành với sự chuẩn bị và đầu tư kỹ lưỡng không ngừng gia tăng, tuy nhiên, sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn nên doanh nghiệp luôn phải vận động không ngừng, tìm tòi sáng tạo nếu muốn tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt.

Hiện nay, trên thị trường hiện tượng hàng giả, hàng nhái kém chất lượng đã và đang xuất hiện tràn lan. Những loại sản phẩm nhái nhãn hiệu này gây thiệt hại không nhỏ về uy tín thương hiệu của những doanh nghiệp trong cùng ngành nghề trong khi luật pháp Việt Nam chưa có những chế tài hay nếu có chỉ là những xử phạt hành chính không đủ để răn đe những hành vi vi phạm lĩnh vực bảo vệ thương hiệu, bản quyền.

Tuy nhiên, với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty định hướng xuất khẩu toàn bộ sản phẩm cho các nhà phân phối nước ngoài, không phân phối nhỏ lẻ. Chính vì định hướng này, rủi ro hàng giả, hàng kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty. Ngoài ra, sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường của Công ty đặc biệt phù hợp với thị hiếu các nước phát triển nên có tiềm năng phát triển trong tương lai.

6.4 Rủi ro về nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là những nguyên vật liệu này hiện nay trong nước chưa sản xuất được hay sản xuất với sản lượng rất hạn chế, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Với tình hình biến động thường xuyên về giá xăng dầu dẫn tới biến động về giá hạt nhựa, gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu Công ty không có chính sách dự trữ hợp lý.

Ngoài nguyên vật liệu chính là hạt nhựa nguyên sinh, CaCO₃ cũng là một chất phụ gia quan trọng và chiếm tỷ trọng tương đối trong chi phí sản xuất. Công ty đã hạn chế được các rủi ro từ nguyên vật liệu do chủ động được nguồn cung cấp CaCO₃ từ nhà máy trên Yên Bái. Hiện nay Công ty cũng đang tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất tái chế hạt nhựa nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của Công ty cũng như cung ứng ra thị trường.

6.5 Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Công ty thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như: quan hệ cung cầu trên thị trường, tâm lý nhà đầu tư, biến động chính trị, xã hội... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.6 Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các nhà máy và các dự án của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại từ phá hủy một phần đến hoàn toàn... Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã mua các bảo hiểm vật chất cho các nhà máy và dự án của mình.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	2.100.000.000.000	2.145.496.749.447	102,2
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đồng)	100.000.000.000	142.925.017.617	142,9

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát năm 2016)

1.2 Những thay đổi chính trong năm

- Đã hoàn thành các chỉ tiêu chính trong năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định theo đúng định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trong năm Công ty đã phát hành thành công 150 trái phiếu doanh nghiệp thu về 150.000.000.000 đồng phục vụ cho đầu tư nhà máy mở rộng sản xuất. Đồng thời, Công ty phát hành thành công 5.065.000 cổ phiếu phổ thông để thực hiện chứng quyền đợt 1 cho Nhà đầu tư, nâng tổng vốn Điều lệ của Công ty là 569.649.880.000 đồng.
- Từng bước mở rộng sản xuất với việc đầu tư Nhà máy sản xuất số 6 có công suất 3.200 tấn sản phẩm/tháng chuyên xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Nhà máy sản xuất số 7 có công suất 800 tấn sản phẩm/tháng cho thị trường Hoa Kỳ.
- Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trên các thị trường tiềm năng cả về chiều rộng cũng như việc đa dạng hoá sản phẩm tại thị trường. Mở rộng nhiều thị trường mới đặc biệt là Nhật Bản và Úc, Hoa Kỳ.
- Duy trì và thực hiện tốt các chế độ cho người lao động của Công ty cũng như đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

• Ông Nguyễn Lê Trung - Tổng giám đốc – Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS	Nhân viên
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 -2015	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2011 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

• Ông Phạm Hoàng Việt - Phó TGD Thường trực – Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Trưởng phòng kinh doanh
2007– 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 -2015	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2014-2015	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	Ủy viên HĐQT
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực

• Bà Trần Thị Thoán – Phó Tổng giám đốc Phụ trách kinh doanh

Sinh năm: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2007 – 09/2009	Công ty TNHH XQ Việt Nam	Phụ trách Đối ngoại
2009 - 12/2015	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Giám đốc Trung tâm kinh doanh

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

• Bà Hoà Thị Thu Hà - Kế toán trưởng – Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh	Nhân viên Kế toán
2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt	Nhân viên kế toán
2005 - 3/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên kế toán
2006 – 2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

2.2 Thay đổi Ban điều hành trong năm

Trong năm, Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm ông Trần Hoàng Hoan – Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất do có đơn xin từ chức.

2.3 Nguồn nhân lực

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012
Số lượng lao động	1737	1283	1124	1252	1068
Trên đại học	3	3	3	3	3
Đại học	145	121	84	94	61
Cao đẳng	208	197	123	87	74
Trung cấp nghề	126	98	77	169	64
PTTH	1255	864	837	899	866
Số lượng lao động	1737	1283	1124	1252	1068
Nam	1306	1040	836	1014	775
Nữ	431	243	288	238	293

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều

chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ thể thao, du lịch,... tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.

Bên cạnh đó các hoạt động đoàn thể được đẩy mạnh theo chủ trương tạo môi trường sinh hoạt chính trị cho mọi công dân; tại Công ty: Đảng bộ, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên... là các tổ chức tích cực trong công tác đoàn hội và góp phần không nhỏ trong việc tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

• Các công ty con

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	136.000.000.000 đồng	72,79%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH Nhựa Thakhek	Công ty con	2.500.000 USD	100%	Đang thu hồi vốn đầu tư
3	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh(*)	Công ty liên kết	29.999.890.000 đồng	33,22%	Đang hoạt động

(*) Công ty đã tiến hành thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 10/01/2017 để đầu tư vào các dự án mới.

• **Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái**

- Giấy CN ĐKDN: 5200466372 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/10/2009
- Trụ sở: Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa
- Vốn điều lệ: 136.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 72,79%
- Hoạt động hiện tại: Nhà máy An Phát – Yên Bái (An Phát Mineral) đã được khởi công xây dựng với dây chuyền công nghệ hiện đại. Hiện nay, An Phát Mineral đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO_3) đạt tiêu chuẩn quốc tế và hạt nhựa CaCO_3 .
Trong kế hoạch phát triển, An Phát – Yên Bái sẽ đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài bên cạnh việc duy trì ổn định thị trường trong nước, hiện An Phát – Yên Bái đã ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu sản phẩm với các đối tác tại Arập, Singapore, Israel, Hàn Quốc và Ấn Độ.

• **Công ty TNHH Nhựa Thakhek**

Công ty TNHH Nhựa Thakhek là một dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào có vốn Điều lệ là 2.500.000 USD (sau khi điều chỉnh), trong đó Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là đơn vị góp 100% vốn Điều lệ. Tuy nhiên trong quá trình triển khai dự án, Công ty gặp nhiều vấn đề khó khăn trong cơ sở hạ tầng, vận tải hàng hóa. Vì vậy, Công ty quyết định sẽ giải thể, thu hồi vốn đầu tư để chuyển đầu tư về Việt Nam.

• **Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh**

AAA đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ 966.582 cổ phiếu tương đương với 32,22% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh lưu hành.

Để tối ưu hoá nguồn vốn, An Phát sẽ tái cấu trúc các khoản đầu tư thụ động, trong đó có khoản đầu tư tại VBC. Mặc dù VBC là công ty có tiềm năng tăng trưởng và hiệu suất sinh lời rất cao, nhưng nhìn thấy nhiều cơ hội đầu tư chủ động khác trong ngành sản xuất bao bì và hạt Calbest nên An Phát đã thoái vốn khỏi VBC để phục vụ các hoạt động đầu tư mới. Tháng 1/2017, toàn bộ cổ phiếu VBC do An Phát sở hữu đã được thoái vốn thành công với mức giá 70.000 đồng/cổ phiếu, thu khoảng 35 tỷ lợi nhuận.

3.2 Tình hình đầu tư

Dự án Nhà máy sản xuất số 6 được khởi công xây dựng năm 2015 tại Cụm Công nghiệp An Đồng có quy mô 3.200 tấn sản phẩm/tháng trên diện tích 99.212 m², tổng vốn đầu tư khoảng 500.639.400.000 đồng (Năm trăm tỷ sáu trăm ba chín triệu bốn trăm ngàn đồng) chuyên sản xuất các dòng sản phẩm cao cấp cho thị trường Nhật Bản. Nhà máy 6 sử dụng nguồn vốn Trái phiếu được tài trợ bởi ngân hàng VIB – chi nhánh Hải Dương cùng nguồn vốn tự có của Công ty. Tháng 6/2016, giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thiện các hạng mục xây dựng, tiến hành lắp đặt máy móc và đưa vào vận hành thử nghiệm. Tháng 1/2017, giai đoạn 1 đã chính thức sản xuất, sau khi đi vào hoạt động ổn định trong thời gian tới sẽ góp phần tăng thêm khoảng 600 - 700 tỷ đồng/năm doanh thu cho Công ty. Giai đoạn 2 của Nhà máy với các dây chuyền chuyên sản xuất dòng bao bì túi thời trang, túi zipper, bao bì y tế... xuất khẩu sang Nhật Bản dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong Quý 1/2017.

Sau khi đi vào hoạt động toàn Nhà máy 6 sẽ góp phần đưa sản lượng của An Phát tăng gấp đôi hiện tại với sản lượng trung bình ước đạt 8.000 tấn sản phẩm/tháng vào năm 2019.

Được khởi công xây dựng vào cuối tháng 12/2015 với nguồn vốn trái phiếu được tài trợ bởi ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Hải Dương, dự án Nhà máy 7 chủ yếu sản xuất các sản phẩm phục vụ thị trường Mỹ với dòng sản phẩm túi drawstring cho biên lợi nhuận tốt. Dự kiến, Nhà máy 7 sẽ sản xuất vào đầu năm 2017 với công

suất thiết kế khoảng 10.000 tấn sản phẩm/năm, hiện Nhà máy đã được xây dựng hoàn thiện và đang tiến hành lắp đặt máy móc, vận hành thử nghiệm. Đây thực sự là cột mốc quan trọng của Công ty khi tăng sản lượng xuất khẩu sang thị trường Mỹ - một thị trường lớn và nhiều tiềm năng.

Với 2 dự án mới và đầy tiềm năng này, An Phát hy vọng sẽ thâm nhập sâu hơn nữa vào thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ - những thị trường lớn và uy tín của thế giới. Dự án cũng sẽ thúc đẩy doanh thu và lợi nhuận cho công ty vào các năm tiếp theo, tạo ra nhiều việc làm cho lao động địa phương, đóng góp ngân sách đáng kể cho tỉnh Hải Dương.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

ĐVT: triệu VND

Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.954.765	3.077.616	57%
Doanh thu thuần	1.614.549	2.143.770	33%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.754	165.553	240%
Lợi nhuận khác	1.861	1.044	-44%
Lợi nhuận trước thuế	50.615	166.597	229%
Lợi nhuận sau thuế	40.549	142.925	252%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,37	1,61	1,19
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,10	1,29	0,80
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,45	0,58	0,69
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,81	1,39	2,22
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	8,16	8,10	5,53
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,10	0,83	0,70

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,05	0,15
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,02	0,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,03	0,08

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần đang lưu hành

Tiêu chí	Số lượng
Tổng số cổ phần đang giao dịch	56.964.988
Cổ phần tự do chuyển nhượng	56.964.988
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

5.2 Cơ cấu cổ đông

Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	569.649.880	100,0
- Cổ đông lớn	319.515.570	56,1
- Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	250.134.310	43,9
Trong đó		
- Nhà nước	-	-
- Người nước ngoài	9.079.620	15,9

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 12/01/2017 của AAA)

• Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn Điều lệ

STT	Họ tên	Số ĐKSH	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Ánh Dương	012144877	9.264.700	16,3
2	Kallang Limited	CA6162	6.536.372	11,5
3	Nguyễn Lê Trung	013164787	6.221.250	10,9
4	Phạm Hoàng Việt	012224574	6.074.625	10,7
5	Nguyễn Xuân Hà	162819049	3.854.610	6,8
Tổng			31.951.557	56,1

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 12/01/2017 của AAA)

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19/03/2016 của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 0812/2016/QĐ-CTHĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phát hành cổ phần để thực hiện chứng quyền, trong năm 2016, AAA đã phát hành thành công 2.400.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP và 5.065.000 cổ phiếu thực hiện chứng quyền cho các Nhà đầu tư nâng vốn điều lệ lên 569.649.880.000 đồng.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	494.999.880.000	396.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	98.999.880.000
- Vốn góp cuối năm	569.649.880.000	494.999.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	86.549.979.600	124.799.880.000

Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phần	Năm 2015 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.964.988	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

Trái phiếu: Thực hiện Nghị quyết số 3108/2016/NQ-HĐQT ngày 31/08/2016 của Hội đồng quản trị, Công ty đã phát hành 150 trái phiếu mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương thu vốn đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất số 7.

6. Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu

a) Tổng lượng nguyên liệu vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2015	Số lượng sử dụng năm 2016
1	Hạt nhựa	Tấn	46.075	53.802
2	Mực in	Tấn	58	110
3	Dung môi	Tấn	160	3.932
4	Hộp carton	Hộp	7.446.506	9.288.993
5	Tem dán	Chiếc	24.087.326	30.797.654

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất tăng mạnh do tăng trưởng về sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm 2016.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế và được sử dụng để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng tái sử dụng năm 2015	Số lượng tái sử dụng năm 2016
1	Phế liệu nhựa	tấn	9.558	11.098
2	Hạt nhựa	tấn	700	1.013

Cùng với sự gia tăng về lượng nguyên vật liệu được sử dụng, Công ty cũng tích cực tái chế nguyên liệu để đưa vào sản xuất, giảm lượng phế thải ra môi trường, không gây ô nhiễm môi trường, đồng thời góp phần làm giảm tác động xấu của các hoạt động sản xuất công nghiệp tới môi trường xung quanh.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

Do đặc thù sản xuất, An Phát chủ yếu sử dụng điện năng cho hoạt động với lượng điện tiêu thụ hàng năm khoảng hơn 48 triệu KW. Việc sử dụng điện được tiết kiệm tối đa với hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng của An Phát là các thiết bị tiết kiệm điện theo đúng tiêu chuẩn. Ngoài ra, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, An Phát luôn có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động có tiêu thụ điện năng để cắt bỏ những khâu có gây lãng phí.

6.3 Tiêu thụ nước

Để đảm bảo đủ nước trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty đã ký hợp đồng cung cấp nước với Trạm cấp nước sạch Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, với lượng nước sử dụng trung bình như sau:

Khu vực	Đơn vị	Số lượng sử dụng 2015	Số lượng sử dụng 2016
KCN Nam Sách	m3	15.113	23.534
Cụm An Đông	m3	32.968	69.740
Tổng	m3	48.081	83.234

Hiện tại việc tái chế và tái sử dụng nước tại Công ty được sử dụng cho hệ thống làm mát máy và hệ thống làm mát không khí tại nhà xưởng. Công ty sử dụng nước sạch trong công đoạn này, do đó toàn bộ nước được tuần hoàn tái sử dụng không thải nước ra ngoài môi trường.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo DTM, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường quản lý, không gây ô nhiễm và không làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường cho khu vực.

Do vậy trong quá trình hoạt động Công ty An Phát chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát luôn xác định vấn đề sức khỏe và an toàn lao động là mục tiêu quan trọng chung của toàn hệ thống Công ty từ Ban giám đốc tới các cấp quản lý đến Công nhân. Công ty luôn áp dụng các chính sách phù hợp với thực tế để đảm bảo chính sách về sức khỏe và an toàn lao động và phúc lợi thực sự có ích cho người lao động.

Công ty sẽ cập nhật và thu thập những thông tin mới nhất về các mối nguy hại tiềm ẩn có thể có trong nguyên liệu, trang thiết bị trong Công ty. Những thông tin này sẽ được hợp pháp hóa và thông báo công khai cho người lao động. Công ty sẽ hạn chế hoặc có những giám sát đặc biệt khi bắt buộc phải sử dụng các chất có tiềm ẩn các mối nguy hại tới sức khỏe của người lao động. Công ty sẽ đảm bảo sự duy trì kiểm soát các nhà máy, hệ thống máy móc, trang thiết bị kỹ thuật một cách an toàn và giảm thiểu rủi ro cho người lao động. Công ty sẽ triển khai chương trình quản lý rủi ro có thể có và thông báo tới toàn thể CBCNV.

Bên cạnh việc bảo vệ sức khỏe cho người lao động Công ty cũng luôn chăm lo tới đời sống anh em cán bộ công nhân viên Công ty. Hằng năm Công ty đều tổ chức nhiều chương trình vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho cán bộ công nhân viên công ty như: các giải bóng đá phong trào giữa các đơn vị sản xuất của công ty, tổ chức nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên dịp 30/4, 1/5 và 2/9, tổ chức sinh nhật cho tập thể CBCNV, tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ khi bản thân hoặc gia đình CBCNV công ty bị ốm đau, hiếu, hi... Công ty cũng có khu nhà nội trú cho cán bộ công nhân viên.

Không chỉ vậy, Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát luôn tổ chức khám sức khỏe CBNV định kỳ 1-2 lần/ năm, hoàn thiện các thủ tục BHXH cho cán bộ, công nhân viên công ty, bảo đảm 100% người lao động làm việc lâu dài tại công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng

Với mục tiêu hướng tới hình ảnh “Công ty Xanh thân thiện với môi trường – Doanh nghiệp điển hình về thực hiện trách nhiệm xã hội” Công ty An Phát đã có nhiều hoạt động cộng đồng có ý nghĩa, tiêu biểu như: Tham gia chương trình “Nhịp điệu tháng 3” do Trung ương đoàn tổ chức tại Công ty vào tháng 3 năm 2009; Thực hiện tài trợ cho đội tuyển Robocom TNT – Đại học Bách Khoa Hà Nội tham dự cuộc thi Robocon Việt Nam năm 2009; Đội tuyển do Công ty tài trợ đã lọt vào vòng chung kết của cuộc thi diễn ra tại Thành phố Huế; Tham gia chương trình “Tuổi trẻ nói không với Ma túy” do Đoàn thanh niên Cộng sản tỉnh Hải Dương phát động; Tham gia ủng hộ từ thiện như: ủng hộ đồng bào miền Trung – Tây nguyên chịu ảnh hưởng lũ lụt năm 2009, ủng hộ hàng năm cho quỹ Vì người nghèo huyện Nam Sách số tiền là 500 triệu đồng, ủng hộ nhân dân Nhật Bản bị ảnh hưởng của động đất và sóng thần; Phát động và thực hiện chương trình “Năng xuân về Bản” trong tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, bằng việc vận động ủng hộ quần áo, sách vở, đồ ăn cho đồng bào Mù Cang Chải năm 2009; Tham gia chương trình Xây dựng Nhà Đại Đoàn kết tại huyện Nam Sách năm 2010 với việc trao tặng 02 căn nhà tình nghĩa cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn của huyện.

Tham gia chương trình “Mái ấm Công Đoàn” do BCH Công đoàn các khu CN tỉnh Hải Dương phát động với việc trao tặng nhà cho chị Bùi Thị Đào – Công nhân có hoàn cảnh khó khăn của Công ty.

Tham gia hưởng ứng chương trình xây dựng các Công trình nước sạch tại địa bàn tỉnh Hải Dương do Tỉnh đoàn Hải Dương phát động bằng việc trao tặng 03 công trình nước sạch tại huyện Thanh Hà, Ninh Giang; Công ty phối hợp cùng Tỉnh đoàn Hải Dương tổ chức Ngày hội Việc làm cho người lao động trong tỉnh với nhiều hoạt động thiết thực nhằm tìm kiếm việc làm và thu hút người lao động tới doanh nghiệp; Công ty đã phối hợp cùng UBND huyện Nam Sách thành lập Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ An Phát với kinh phí hàng năm là 100 triệu đồng – trao nhiều suất học bổng cho các em học sinh có thành tích tốt trong học tập.

Công ty đã phối hợp cùng kênh VTV6 Đài truyền hình Việt Nam thực hiện chương trình “Thanh niên lập nghiệp” năm 2009, 2010. Theo nguyện vọng và sự nhất trí của cán bộ công nhân viên công ty, Công ty đã thành lập Quỹ từ thiện An Phát với số tiền huy động từ đóng góp của cán bộ công nhân viên. Số tiền thu được của Quỹ này sẽ được dùng để tặng cho các em nhỏ hiếu học có hoàn cảnh khó khăn, các cụ già neo đơn không nơi nương tựa, các Hội người nghèo.... năm 2007, 2008, công ty đều tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo của huyện Nam Sách số tiền 10.000.000 đồng/năm, ủng hộ quỹ Hội người mù của huyện 3.000.000 đồng/năm.

Nhân dịp khởi công dự án Nhà máy sản xuất CaCO₃ tại Yên Bái, Công ty đã phối hợp với Tỉnh đoàn Yên Bái và ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái thực hiện chương trình bán đấu giá các trang phục được làm từ sản phẩm tái chế của thanh niên An Phát thu hơn 45.000.000 đồng ủng hộ Quỹ vì người nghèo của tỉnh Yên Bái.

Nhân dịp Tết Tân Mão 2011, hưởng ứng đợt phát động phong trào của Hội đồng Nhân Dân, Ủy Ban nhân dân huyện Nam Sách. Công ty đã ủng hộ với số tiền 50.000.000 đồng trong dịp bắn pháo hoa mừng Đảng, mừng xuân mới. Công ty phối hợp với Ban thường vụ huyện Đoàn Nam Sách, trao 05 suất quà cho cựu thanh niên xung phong, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn toàn huyện, mỗi suất quà trị giá 250.000 đồng.

Trong năm 2011, Công ty đã ủng hộ xây dựng 10 căn nhà nhân ái cho hộ nghèo, người già cô đơn, cựu thanh niên xung phong,... với số tiền là 130.000.000 đồng. Hỗ trợ toàn bộ chi phí khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho toàn bộ các nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin tại huyện Ninh Giang với số tiền là 15.000.000 đồng. Cùng với 3 DN khác trên địa bàn tỉnh tặng quà, cấp phát thuốc miễn phí cho các nạn nhân

chất độc Da cam/Dioxin cho toàn tỉnh Hải Dương với số tiền là: 20.000.000 đồng. Phối hợp với huyện Đoàn Nam Sách, ủng hộ 10 suất quà cho các cháu học sinh nghèo vượt khó và các hộ nghèo trên địa bàn huyện Nam sách với số tiền là 3.000.000 đồng.

Công ty trích lợi nhuận hàng năm thành lập Quỹ hỗ trợ và phát triển tài năng giáo dục An Phát, kinh phí 100.000.000 đồng/ năm, giành trao phần thưởng cho các thầy và trò của huyện Nam Sách đạt thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

Năm 2016, An Phát đã quyên góp 10.000 USD cho các nạn nhân chịu ảnh hưởng bởi động đất ở Nhật Bản, ủng hộ 600.000.000 đồng để xây dựng trường mầm non tại huyện Nậm Pồ – tỉnh Điện Biên, trao quà cho các gia đình cán bộ công nhân viên công ty có hoàn cảnh khó khăn với tổng giá trị hơn 100.000.000 đồng, ủng hộ quỹ khuyến học huyện Nam Sách 100.000.000 đồng, trao 30.000.000 đồng ủng hộ các nạn nhân bị ảnh hưởng của bão lũ miền Trung thông qua Ủy Ban mặt trận Tổ quốc tỉnh Hải Dương.

Hàng năm, nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đất nước, công ty đều có những phần quà giành tặng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình thương bệnh binh, người có công với cách mạng trên đại bàn tỉnh Hải Dương và cả nước. Trong dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7 công ty đã trao các suất quà trị giá 63.000.000 đồng cho Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin Hải Dương; Trao quà cho Trung tâm bảo trợ tỉnh Hải Dương trị giá 50.000.000 đồng; Trao quà cho Hội người mù huyện Nam Sách trị giá 63.000.000 đồng; Trao quà trị giá 62.300.000 đồng cho các bệnh nhân khoa ung bướu Bệnh viện Việt Đức,... cùng nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa khác.

III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả hoạt động

1.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cụ thể như sau:

• Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	2.100.000.000.000	2.145.496.749.447	102,2

2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đồng)	100.000.000.000	142.925.017.617	142,9
---	-----------------------------------	-----------------	-----------------	-------

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát năm 2016)

Năm 2016, là năm đánh dấu những cột mốc quan trọng của Công ty khi xây dựng dự án Nhà máy số 6 và số 7, đẩy mạnh phát triển thị trường Nhật Bản, Mỹ và Úc. Sự ổn định của nguyên liệu chính, cùng những chính sách điều hành sản xuất kinh doanh nhạy bén, linh hoạt và hợp lý, sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, An Phát đã có sự thành công về mặt doanh thu và lợi nhuận với những con số ấn tượng, cao nhất kể từ khi thành lập đến nay, lần lượt ghi nhận 2.145 tỷ và 142,9 tỷ. Con số lãi ròng 142,9 tỷ này gấp đến 3,6 lần so với thực hiện năm 2015, đồng thời vượt kế hoạch lên đến 43%.

• **Về thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị:**

Trong năm qua, Ban điều hành đã rất cố gắng trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tích cực trong việc chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện xây dựng các Nhà máy mới của Công ty đặc biệt là dự án Nhà máy sản xuất số 6 có công suất 38.400 tấn sản phẩm/năm và Nhà máy sản xuất số 7 chuyên phục vụ thị trường Hoa Kỳ... Tích cực đẩy mạnh hoạt động phát triển thị trường, hợp tác sâu rộng với khách hàng trong việc tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới.

Trong năm, Ban điều hành cũng đã phối hợp cùng Hội đồng quản trị thực hiện thành công kế hoạch phát hành 150 trái phiếu doanh nghiệp cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Hải Dương để huy động vốn cho dự án Nhà máy 7, các kế hoạch và công việc khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

1.2 Tình hình tài chính

• Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản của công ty qua 4 năm như sau:

Chi tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	495.025	43,0	694.379	48,8	1.071.561	54,8	1.361.646	44,2
Tài sản dài hạn	655.544	57,0	727.272	51,2	883.204	45,2	1.715.970	55,8
Tổng	1.150.569	100,0	1.421.651	100,0	1.954.765	100,0	3.077.616	100,0

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát)

Tổng tài sản của công ty đã tăng lên liên tục trong những năm qua do hoạt động sản xuất kinh doanh được mở rộng liên tục. Năm 2016, Công ty triển khai xây dựng nhà xưởng, đầu tư máy móc, thiết bị... cho hai dự án Nhà máy 6 và Nhà máy 7 nên tài sản dài hạn tăng mạnh, chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản.

• Tình hình nợ phải trả:

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn:

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tài sản ngắn hạn (triệu đồng)	495.025	694.379	1.071.561	1.361.646
Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	515.468	507.674	667.079	1.140.285
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	0,96	1,37	1,61	1,19

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn không có sự biến động lớn qua các năm, hiện tại năm 2016 hệ số nợ ngắn hạn giữ ở mức 1,19 là ở mức an toàn của doanh nghiệp. Công ty sử dụng nguồn vốn ngắn hạn hiệu quả, đồng thời không gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ ngắn hạn.

- Hệ số thanh toán nhanh:

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Hệ số thanh toán nhanh	0,57	1,10	1,29	0,80

Hệ số thanh toán nhanh của công ty cũng không có sự biến động lớn qua các năm, dao động quanh mức an toàn.

- Hệ số thanh toán dài hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tài sản dài hạn (triệu đồng)	655.544	727.272	883.204	1.715.970
Nợ dài hạn (triệu đồng)	83.083	127.651	468.200	982.579
Hệ số thanh toán nợ dài hạn	7,89	5,70	1,89	1,75

Khả năng thanh toán nợ dài hạn 1,75 trong năm 2016, với công ty được đánh giá là tốt.

1.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

• Công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo sản xuất

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết tuần, tháng, quý cho từng Nhà máy, từng Phòng ban, theo dõi sát việc thực hiện các chỉ tiêu, xử lý kịp thời những phát sinh, khó khăn, vướng mắc để tăng hiệu quả, giảm chi phí. Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường duy trì được ổn định và phát triển. Hàng tuần đều có các cuộc họp giao ban đánh giá chỉ tiêu của Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Ban Tổng giám đốc kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp kiểm soát về tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì bảo dưỡng, chi phí giá thành đã đặt ra từ đầu năm mang lại nhiều kết quả khả quan.
- Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho. Tăng cường công tác thu hồi công nợ nhằm giảm thiểu nợ kéo dài và tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Theo dõi sát tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các thị trường, các khách hàng của Công ty, để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

• Công tác quản trị tài chính

- Công ty luôn thực hiện minh bạch trong các hoạt động tài chính, đầu tư, mua bán cũng như nhập nguyên liệu, xuất khẩu sản phẩm. Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực trong việc chỉ đạo xây dựng các dự án của Công ty, đặc biệt là tìm kiếm các đối tác, nhà thầu đủ uy tín, năng lực và giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng đảm bảo thi công công trình đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và tiết kiệm ngân sách Công ty.
- Ban Tổng giám đốc và Phòng Kế toán - Tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và sự giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát. Hoạt động

tài chính Công ty được cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán ghi nhận những chỉ số về doanh thu, lợi nhuận, lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí đối với cơ quan Nhà nước.

• Công tác quan hệ công chúng

- Trong năm qua, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo bộ phận chịu trách nhiệm công bố Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo quản trị, các thông tin khác theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
- Các thông tin về hoạt động của công ty liên tục được cập nhật tại website www.anphatplastic.com để các cổ đông và nhà đầu tư quan tâm tiện theo dõi, đặc biệt là các thông tin về thực hiện phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền trong năm 2016.

• Công tác Nhân sự, xã hội, hoạt động cộng đồng

- Trong năm Ban Tổng giám đốc đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích người lao động hăng say làm việc, chế độ lương thưởng, BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật lao động.
- Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo trực tiếp hoạt động của Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Công ty trong vấn đề tuyển dụng và đào tạo nhân sự mới đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất của các Nhà máy hiện tại cũng như chuẩn bị Nhân sự cho Giai đoạn 2 của Nhà máy 6 và Nhà máy 7 vào hoạt động.
- Ban Tổng giám đốc cũng nghiên cứu lại tất cả các chính sách nhân sự đang áp dụng; cải tiến, sửa đổi trình Hội đồng quản trị xem xét áp dụng để thu hút nhân tài cho các kế hoạch phát triển của công ty. Đồng thời đưa ra định biên về nhân sự của các Phòng ban, Nhà máy sản xuất đảm bảo hợp lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.
- Thực hiện đúng các định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mục tiêu về hoạt động cộng đồng, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện tốt các chính sách xã hội cho người lao động như: Xây dựng và sử dụng Quỹ từ thiện để ủng hộ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà Đại đoàn kết, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh sau giờ làm việc cho người lao động, ủng hộ các chương trình khuyến học tại địa phương, giúp

đỡ gia đình chính sách, tổ chức giải bóng đá An Phát lần thứ 1, Ngày hội thiếu nhi 1-6, Tết Trung thu....

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

❖ Định hướng phát triển của Công ty

*“Trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á
Doanh nghiệp điển hình về thực hiện Trách nhiệm xã hội”*

▪ Đẩy mạnh sản xuất

Trong các năm tới, xác định rằng sản phẩm tự hủy sẽ được các nước trên thế giới, đặc biệt là các thị trường lớn như Nhật Bản, EU, Châu Úc... ưa chuộng, Công ty sẽ chú trọng để phát triển mặt hàng này. Trong dài hạn, sản phẩm túi tự hủy sẽ là sản phẩm chính của Công ty. Với năng lực hiện có Công ty sẽ tiếp tục tận dụng các nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất sản phẩm, trong đó sẽ chú trọng đến sản lượng túi nilon tự phân hủy – định hướng chiến lược của Công ty trong thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc Công ty cũng không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động. Các cán bộ kỹ thuật của Công ty được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề.

Hiện tại, Công ty đang triển khai những giai đoạn cuối của dự án Nhà máy sản xuất số 6 và Nhà máy sản xuất số 7 với những mặt hàng cao cấp cho biên lợi nhuận tốt phục vụ thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ. Hai dự án này sẽ đi vào hoạt động trong năm 2017 góp phần nâng công suất cũng như doanh thu và lợi nhuận khả quan cho Công ty trong các năm tiếp theo.

Đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm làm tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...

▪ Đẩy mạnh xuất khẩu

Hội đồng quản trị công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, Mỹ, Nhật Bản và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các dòng bao bì nhựa cao cấp, bao bì tự phân hủy theo dạng cuộn, túi T-shirt, túi siêu

thị và túi rác.

Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ chú trọng mở rộng thị trường tới Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ La Tinh trong đó nâng cao doanh thu về dòng sản phẩm cao cấp.

▪ **Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội**

Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo An Phát đã thực hiện nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập Quỹ từ thiện, Quỹ khuyến học...

3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và cán bộ công nhân viên trong công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đặc biệt có những chính sách bán hàng linh động, được điều chỉnh kịp thời, phù hợp với từng thị trường giúp Công ty ký được nhiều đơn hàng mới, tăng sản lượng sản xuất và thu lợi nhuận cao, hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao.

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban tổng giám đốc, Hội đồng quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các thành viên Ban Tổng giám đốc, cụ thể Ban Tổng giám đốc đã:

+ Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đã đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.

- + Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban Tổng giám đốc đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng được yêu cầu công việc.
- + Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho Hội đồng quản trị và bất kỳ khi nào cần thiết.
- + Công khai, minh bạch công bố thông tin kịp thời, chính xác.
- + Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ công nhân viên, phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 1, trong việc phát hành 150 trái phiếu kèm doanh nghiệp cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Hải Dương.
- + Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và các phòng chức năng trong việc triển khai xây dựng dự án Nhà máy sản xuất số 6, số 7 theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị định hướng cần giữ vững vị trí số 1 trong ngành sản xuất bao bì màng mỏng ở Việt Nam, vươn lên trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á.
- Đưa vào vận hành thành công giai đoạn 2 và toàn Nhà máy 6, Nhà máy số 7 trong Quý 1/2017.
- Triển khai kế hoạch thu xếp vốn và xây dựng Nhà máy sản xuất số 8 theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước, trong đó chú trọng lĩnh vực xuất khẩu vào các thị trường tiêu thụ lớn ở Châu Âu, Châu Úc đặc biệt là Nhật Bản và Hoa Kỳ... bằng các kế hoạch marketing thu hút trọng điểm, tăng cường hệ thống kênh phân phối, phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, năng động.
- Tiếp tục định hướng trên cơ sở tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, đặc biệt chú ý xem xét các đề xuất của các phòng ban, nhà máy, chú trọng đầu tư phát triển bền vững lưu ý các đề án, công tác bảo vệ môi trường của các nhà máy, các dự án. Tích cực tìm kiếm các nguồn lực về công nghệ để phục vụ sản xuất và nâng cao hiệu quả công việc cho các bộ phận của công ty.

- Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho năm 2017 phù hợp với diễn biến thực tế của Công ty, của nền kinh tế và tập trung nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016
1	Sản lượng hợp nhất (tấn)	86.000
2	Tổng doanh thu hợp nhất (đồng)	2.900.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (đồng)	200.000.000.000
4	Dự kiến cổ tức năm 2017	20-30%/ cổ phần (bằng tiền mặt)

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- **Ông Phạm Anh Dương – Chủ tịch HĐQT**

Sinh năm: 1976

Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC	Nhân viên kế toán
2000 – 2002	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo	Kế toán trưởng
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Giám đốc công ty
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Chủ tịch HĐQT
2009 -2015	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Chủ tịch HĐQT
2010 – 06/2011	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
07/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT

- **Ông Nguyễn Lê Trung – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc**

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS	Nhân viên
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Kế toán trưởng
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 -2015	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2011 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

• **Ông Phạm Hoàng Việt – Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Thường trực**

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Trưởng phòng kinh doanh
2007– 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 -2015	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực

• **Bà Hoà Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng**

Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh	Nhân viên Kế toán

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt	Nhân viên kế toán
2005-3/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên kế toán
2006 – 2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

• **Ông Phạm Đình Ngu – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm: 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1977 – 1980	Đơn vị X49 – Bộ tư lệnh Công Binh	Nhập ngũ
1980 – 1989	Phân xưởng Cơ điện – X49	Nhân viên
1990 – 1991	Phân xưởng Cơ điện – X49	Bí thư đoàn Nhà máy
1992 – 1994	Đội khai thác than Vàng Danh	Đội phó
1994 – 2005	Xưởng Cơ khí – Nhà máy Z49	Bí thư chi bộ - Phó Quản đốc
2006 – 2012	Xưởng cơ khí – Thủy lực – Nhà máy Z49 – Bộ tư lệnh Công binh	Quản đốc
2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Ủy viên HĐQT

2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Không có.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1 Vai trò của HĐQT

- Hội đồng quản trị đã tập trung làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động, xây dựng chiến lược và định hướng kinh doanh từng năm, giữ ổn định sự phát triển của doanh nghiệp trong tình hình kinh tế biến động.
- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên và lưu trữ theo đúng quy định.
- Hiện Ban Tổng giám đốc có 2/3 thành viên là thành viên Hội đồng quản trị do đó việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông rất đồng bộ, nhanh gọn và có hiệu quả. Đây là một trong những ưu điểm giúp hoạt động quản trị của Công ty linh hoạt, nhất quán và triệt để hơn. Ngoài ra các thành viên độc lập không điều hành đã có nhiều ý kiến khách quan, hiệu quả trong các quyết định của Công ty.

3.2 Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2016, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, phê duyệt các quy chế về tái cấu trúc tổ chức nhân sự, lương thưởng, các dự án đầu tư...
- Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết sau để phục vụ công tác điều hành:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	1201/2016/NQ-HĐQT	12/01/2016	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2016
2	2902/2016/NQ-HĐQT	29/02/2016	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2016
3	2103/2016/NQ-HĐQT	21/03/2016	Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT
4	2203/2016/NQ-HĐQT	22/03/2016	Quyết định về việc chi trả cổ tức năm 2015
5	2803/2016/NQ-HĐQT	28/03/2016	Bãi nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc của ông Trần Hoàng Hoan
6	0104/2016/NQ-HĐQT	01/04/2016	Thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 19/03/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19/3/2016
7	0504/2016/NQ-HĐQT	05/04/2016	Thay đổi người đại diện quản lý vốn góp tại CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	1304/2016/NQ- HĐQT	13/04/2016	Thông qua nguyên tắc xác định số lượng cổ phần phân phối cho người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19/03/2016
9	2204/2016/NQ- HĐQT	22/04/2016	Triển khai chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên
10	2204/2016/NQ- HĐQT	22/04/2016	Triển khai chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19/03/2016
11	2504/2016/NQ- HĐQT	25/04/2016	Thực hiện quản lý cổ phần phát hành theo chương trình ESOP
12	1605/2016/NQ- HĐQT	16/05/2016	Thông báo cam kết chưa thực hiện chứng quyền của một số nhà đầu tư sở hữu chứng quyền
13	0405/2016/NQ- HĐQT	04/05/2016	Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua kế hoạch hủy niêm yết cổ phiếu tại HNX để đăng ký niêm yết tại HOSE
14	0507/2016/NQ- HĐQT	05/07/2016	Thuê đất để mở rộng nhà máy sản xuất tại cụm CN An Đồng
15	3108/2016/NQ- HĐQT	31/08/2016	Thông qua việc Phát hành Trái phiếu riêng lẻ và Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ
16	0109/2016/NQ- HĐQT	01/09/2016	Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược
17	1509/2016/NQ- HĐQT	15/09/2016	Bổ sung nội dung xin ý kiến cổ đông bằng văn bản
18	1110/2016/NQ- HĐQT	11/10/2016	Bán cổ phần Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
19	0711/2016/NQ- HĐQT	07/11/2016	Nghị quyết phát hành cổ phần để thực hiện chứng quyền phát hành kèm theo Trái phiếu
20	0811/2016/NQ- HĐQT	08/11/2016	Nghị quyết thông qua việc hủy niêm yết tại HNX và nhất trí thông qua việc niêm yết trên HOSE
21	0812/2016/QĐ- CTHĐQT	08/12/2016	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Phát hành cổ phần để thực hiện Chứng quyền
22	2712/2016/NQ- HĐQT	27/12/2016	Nghị quyết về việc chuẩn bị tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2017

VI. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- **Bà Nguyễn Thị Giang – Trưởng Ban kiểm soát**

Sinh năm: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2008 - 2015	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Nhân viên Phòng kế toán
2015 - 3/2016	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Nhân viên Ban kiểm tra nội bộ
3/2016 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Trưởng Ban kiểm soát

- **Bà Vũ Thị Minh Nguyệt – Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1999 – 6/2013	Trung tâm Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư	Nhân viên Kinh doanh
7/2013 – 9/2015	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Mỏ Việt Bắc	Nhân viên Kinh doanh
10/2015 - 12/2015	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	Nhân viên Kinh doanh
1/2016 – 3/2016	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên Kinh doanh
3/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Thành viên Ban Kiểm Soát

- **Bà Văn Thị Lan Anh – Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002 – 09/2004	Công ty Xây lắp điện 4	Công nhân
10/2004 – 03/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên văn phòng

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
03/2007 – 04/2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Nhân viên văn phòng
04/2009 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Nhân viên hành chính kiêm Thành viên Ban Kiểm soát

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Vai trò của Ban kiểm soát
 - Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý và điều hành. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016
 - Xem xét các báo cáo và thông báo của Hội đồng quản trị đến cổ đông
 - Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.
- Kết quả thực hiện kiểm tra giám sát
 - Đến hết năm 2016, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ các yêu cầu của hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Chế độ hợp giao ban giữa Ban tổng giám đốc và các phòng chức năng được thực hiện tốt đã giúp phát hiện kịp thời các vấn đề khó khăn và có giải pháp kịp thời.
 - Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả kinh doanh trong năm, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam
 - Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	2.100.000.000.000	2.145.496.749.447	102,2
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đồng)	100.000.000.000	142.925.017.617	142,9

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát năm 2016)

- Một số kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016 như sau:

- Công ty đã đẩy mạnh được sản xuất và xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm, đơn hàng nhiều và đảm bảo chất lượng, doanh thu và lợi nhuận cao vượt kế hoạch được giao.
- Đã hoàn thành việc trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - Đã chỉ đạo các bộ phận thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
 - Đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ công nhân viên và cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 1 cho Nhà đầu tư
 - Đã hoàn thành kế hoạch phát hành 150 trái phiếu huy động 150.000.000.000 đồng để xây dựng Nhà máy số 7.
- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - Trong năm Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc mời tham dự các cuộc họp liên quan đến các vấn đề trong hoạt động của Công ty.
 - Ban kiểm soát đã trình bày các ý kiến, quan điểm của mình và đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ghi nhận và xem xét
 - Ban kiểm soát chưa nhận được phản ánh cụ thể nào bằng văn bản của Cổ đông.
- Kiến nghị: Từ những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, Ban kiểm soát có những kiến nghị sau:
 - Tăng cường công tác quản trị rủi ro khi công ty mở rộng sản xuất kinh doanh nhất là về quản trị tài chính và giá nguyên liệu chính.
 - Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đủ đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện tốt công tác công bố thông tin tới cổ đông, thực hiện tốt chế độ ưu đãi đối với công nhân viên có nhiều thành tích trong công tác để phát triển nhân tài.
 - Tăng cường công tác Marketing để phát triển hệ thống khách hàng tại các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng khác. Đặc biệt phải tăng lượng đặt hàng để

đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm khi nhà máy sản xuất số 6 và nhà máy số 7 đi vào hoạt động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	1.965.516.386	1.878.071.040
Cộng	2.889.516.386	2.802.071.040

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Ánh Dương	6.264.700	12,66%	9.264.700	16,27%	Mua cổ phiếu
2	Nguyễn Lê Trung	3.971.250	8,02 %	6.221.250	10,92%	Mua cổ phiếu
3	Phạm Hoàng Việt	3.824.625	7,72%	6.074.625	10,67%	Mua cổ phiếu

3.3 Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	57.062.602.005	47.939.656.376
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	57.062.602.005	47.939.656.376
Mua hàng hóa, dịch vụ	46.166.289.028	47.811.623.187
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	46.166.289.028	47.811.623.187
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	5.315.169.086	133.285.004
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (Trả trước cho người bán)	1.271.234.275	10.013.592.780

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện rất nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo quy định, đồng thời đã chỉ ra được rất nhiều hướng khắc phục rủi ro trong hoạt động.

Hải Dương, ngày 09 tháng 02 năm 2017

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHẠM ÁNH DƯƠNG

PHỤ LỤC

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
4. Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Ánh Dương

Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 6 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và

Tư vấn Tài chính Quốc tế

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.361.646.469.010	1.071.561.008.455
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	406.676.809.154	470.061.718.120
1. Tiền	111		121.149.572.757	242.393.182.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		285.527.236.397	227.668.535.270
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		455.567.565.640	363.509.670.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	221.225.458.631	103.363.445.699
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	184.015.378.614	169.259.565.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	51.025.438.748	91.048.764.635
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(698.710.353)	(162.105.381)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	450.591.281.857	214.186.555.570
1. Hàng tồn kho	141		450.591.281.857	214.186.555.570
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.810.812.359	23.803.064.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.275.206.737	14.690.447.772
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.535.605.622	9.112.616.506
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.715.969.509.727	883.203.669.585
I. Tài sản cố định	220		1.434.278.060.008	636.532.208.633
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.338.477.950.662	595.375.421.956
- Nguyên giá	222		1.703.369.654.599	901.299.077.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(364.891.703.937)	(305.923.655.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	95.800.109.346	41.156.786.677
- Nguyên giá	228		100.838.674.433	45.206.131.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.038.565.087)	(4.049.344.827)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		214.999.542.284	191.159.377.412
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	214.999.542.284	191.159.377.412
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.338.667.000	42.587.327.201
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	44.338.667.000	42.587.327.201
IV. Tài sản dài hạn khác	260		22.353.240.435	12.924.756.339
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		22.332.919.192	12.925.115.705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		20.321.243	(359.366)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.077.615.978.737	1.954.764.678.040

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.122.863.876.413	1.135.279.409.795
I. Nợ ngắn hạn	310		1.140.284.738.375	667.079.248.529
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	304.263.540.143	200.885.707.160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	11.280.630.943	12.300.795.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	6.947.288.639	5.746.819.042
4. Phải trả người lao động	314		9.184.831.648	4.560.270.983
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.080.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	5.705.003.625	3.856.673.854
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	800.794.847.498	438.769.898.696
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.595.879	959.083.230
II. Nợ dài hạn	330		982.579.138.038	468.200.161.266
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	982.579.138.038	468.200.161.266
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		954.752.102.324	819.485.268.245
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	954.752.102.324	819.485.268.245
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		569.649.880.000	494.999.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		569.649.880.000	494.999.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.721.267.329	147.408.567.329
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		205.250.085	1.587.734.457
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.274.886.929	35.950.759.648
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.177.404.323	13.177.404.323
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.862.080.186	116.439.130.668
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		71.776.592.221	76.423.259.683
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		90.085.487.965	40.015.870.985
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.861.333.472	9.921.791.820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.077.615.978.737	1.954.764.678.040

Phạm Ánh Dương

Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.145.496.749.447	1.616.048.818.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.726.940.597	1.499.870.215
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.143.769.808.850	1.614.548.947.901
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.836.734.397.150	1.424.741.156.735
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		307.035.411.700	189.807.791.166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	30.198.848.862	22.394.967.435
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	53.927.481.929	49.991.756.319
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.284.472.139	24.065.811.358
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		1.751.339.799	3.381.873.750
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	56.882.135.462	75.230.050.612
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	62.622.750.100	41.608.410.264
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		165.553.232.870	48.754.415.156
12. Thu nhập khác	31		8.081.453.308	1.864.669.013
13. Chi phí khác	32		7.037.904.139	4.161.615
14. Lợi nhuận khác	40		1.043.549.169	1.860.507.398
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.596.782.039	50.614.922.554
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	23.692.445.025	10.029.634.651
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(20.680.603)	36.474.306
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		142.925.017.617	40.548.813.597
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		141.985.475.965	40.015.870.985
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		939.541.652	532.942.612
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.611	642
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	1.757	642

Phạm Ánh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	166.596.782.039	50.614.922.554
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	92.958.744.347	83.358.285.094
Các khoản dự phòng	03	536.604.972	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.808.822.854	1.211.216.521
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.793.166.593)	(11.078.921.256)
Chi phí lãi vay	06	27.284.472.139	24.065.811.358
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	286.392.259.759	148.171.314.271
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(193.606.733.582)	(118.649.260.136)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(236.404.726.287)	(76.664.467.661)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	211.621.840.946	(54.674.388.479)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(15.992.562.452)	(11.267.697.290)
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.284.472.139)	(24.065.811.358)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.514.289.760)	(3.294.062.793)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	82.589.244.341	73.798.102.941
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.631.006.599)	(6.702.806.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.169.554.226	(73.349.077.150)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(1.077.441.959.310)	(290.399.851.419)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	53.621.100.893	5.661.363.636
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	30.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.131.982.986	10.369.304.107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.011.688.875.431)	(244.369.183.676)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	84.247.500.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.598.523.339.565	1.858.860.744.893
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.728.371.348.611)	(1.406.090.290.912)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(86.362.442.100)	(1.935.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	868.037.048.854	450.835.453.981
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(63.482.272.351)	133.117.193.155
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	470.061.718.120	336.807.716.067
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		97.363.385	136.808.898
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	406.676.809.154	470.061.718.120

Phạm Ánh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 02 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

2. Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO.,LTD.

Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.690 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.479 người).

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 569.649.880.000 đồng tương đương với 56.964.988 cổ phần phổ thông và mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05
Tài sản cố định hữu hình khác	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	40
Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Phần mềm máy vi tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1, Nhà máy số 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	712.340.467	5.639.613.726
Tiền gửi ngân hàng	120.437.232.290	236.753.569.124
Các khoản tương đương tiền (*)	285.527.236.397	227.668.535.270
Cộng	406.676.809.154	470.061.718.120

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

- Các khoản tiền gửi của Công ty mẹ có tổng giá trị là 152.027.236.397 đồng với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

- Các khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có tổng giá trị là 133.500.000.000 đồng với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	28.384.323.045	3.106.438.220
Phải thu khách hàng nước ngoài	192.841.135.586	100.257.007.479
Cộng	221.225.458.631	103.363.445.699

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước	74.111.005.075	42.508.272.790
Trả trước cho người bán nước ngoài	109.904.373.539	126.751.292.744
Cộng	184.015.378.614	169.259.565.534

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng	8.887.218.392	31.335.296.127
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.789.210.700	37.190.398.970
Thuế GTGT đề nghị hoàn	37.342.010.105	15.220.091.866
Phải thu khác	1.006.999.551	7.302.977.672
Cộng	51.025.438.748	91.048.764.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	26.925.196.561	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	326.621.163.150	-	159.052.899.529	-
Công cụ, dụng cụ	12.416.843.576	-	7.052.472.655	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.064.918.516	-	14.092.508.217	-
Thành phẩm	68.563.160.054	-	33.988.675.169	-
Cộng	450.591.281.857	-	214.186.555.570	-

5.6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/đã bù trừ trong năm		31/12/2016	
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/đã bù trừ trong năm	Số đã thực nộp/đã bù trừ trong năm	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2016	
Thuế giá trị gia tăng	-	117.765.316.971	117.764.449.323	117.764.449.323	-	867.648	867.648	
Thuế xuất nhập khẩu	-	514.546.574	514.546.574	514.546.574	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.712.736.437	23.692.445.025	22.514.289.760	22.514.289.760	6.890.891.702	6.890.891.702	6.890.891.702	
Thuế thu nhập cá nhân	34.082.605	1.711.438.014	1.689.991.330	1.689.991.330	55.529.289	55.529.289	55.529.289	
Các loại thuế khác	-	294.284.145	294.284.145	294.284.145	-	-	-	
Cộng	5.746.819.042	143.978.030.729	142.777.561.132	142.777.561.132	6.947.288.639	6.947.288.639	6.947.288.639	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm		Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
					VND	VND		
NGUYÊN GIÁ								
Tại ngày 01/01/2016	164.220.009.265	626.618.489.189	75.830.243.629	3.534.549.455	15.670.983.000	15.424.802.951	901.299.077.489	
Mua trong năm	-	588.024.776.840	59.550.669.259	3.296.498.141	-	4.520.696.953	655.392.641.193	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	233.615.715.693	-	-	-	-	-	233.615.715.693	
Thanh lý, nhượng bán	-	(53.665.706.870)	(32.776.749.327)	-	-	-	(86.442.456.197)	
Giảm theo Thông tư 45	(61.882.718)	(222.599.880)	-	(92.840.981)	(118.000.000)	-	(495.323.579)	
Tại ngày 31/12/2016	397.773.842.240	1.160.754.959.279	102.604.163.561	6.738.206.615	15.552.983.000	19.945.499.904	1.703.369.654.599	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ								
Tại ngày 01/01/2016	35.992.810.841	237.775.537.490	24.429.975.502	1.091.283.810	3.952.219.581	2.681.828.309	305.923.655.533	
Khấu hao trong năm	10.307.816.316	68.625.589.524	10.345.342.800	437.540.610	832.317.922	1.398.615.681	91.947.222.853	
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.590.378.487)	(10.942.334.275)	-	-	-	(32.532.712.762)	
Giảm theo Thông tư 45	(61.882.718)	(222.599.880)	-	(92.840.981)	(69.138.108)	-	(446.461.687)	
Tại ngày 31/12/2016	46.238.744.439	284.588.148.647	23.832.984.027	1.435.983.439	4.715.399.395	4.080.443.990	364.891.703.937	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Tại ngày 01/01/2016	128.227.198.424	388.842.951.699	51.400.268.127	2.443.265.645	11.718.763.419	12.742.974.642	595.375.421.956	
Tại ngày 31/12/2016	351.535.097.801	876.166.810.632	78.771.179.534	5.302.223.176	10.837.583.605	15.865.055.914	1.338.477.950.662	

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.338.477.950.662 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 595.375.421.956 đồng). Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.454.211.554 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 16.858.546.268 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	45.053.245.844	152.885.660	45.206.131.504
Tăng trong năm	55.646.428.589	-	55.646.428.589
Giảm theo Thông tư 45	-	(13.885.660)	(13.885.660)
Tại ngày 31/12/2016	100.699.674.433	139.000.000	100.838.674.433
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	3.982.653.613	66.691.214	4.049.344.827
Khấu hao trong năm	967.439.256	35.666.664	1.003.105.920
Giảm theo Thông tư 45	-	(13.885.660)	(13.885.660)
Tại ngày 31/12/2016	4.950.092.869	88.472.218	5.038.565.087
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	41.070.592.231	86.194.446	41.156.786.677
Tại ngày 31/12/2016	95.749.581.564	50.527.782	95.800.109.346

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 86.854.847.778 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 32.211.525.109 đồng).

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	161.966.410.420	190.120.286.503
- Xây dựng cơ bản dở dang	78.649.756.367	121.560.986.462
- Mua sắm máy móc thiết bị	83.316.654.053	68.559.300.041
Nhà máy số 7	41.809.579.319	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	40.297.183.319	-
- Mua sắm máy móc thiết bị	1.512.396.000	-
Nhà điều hành	4.181.074.545	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	4.181.074.545	-
Nhà máy sản xuất hạt nhựa	6.645.000.000	130.000.000
Cải tạo nhà máy số 2 và 3	223.746.000	909.090.909
Cải tạo nhà máy số 5	173.732.000	-
Cộng	214.999.542.284	191.159.377.412

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (VBC)	32.906.553.255	32.906.553.255
Cộng	32.906.553.255	32.906.553.255

Đây là khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ 966.582 cổ phiếu tương đương với 32,22% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh lưu hành. Công ty liên kết có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krapt, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở... Công ty liên kết có địa chỉ tại số 18, Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	478.917.344	123.949.400
Bảo hiểm xã hội	15.413.898	116.881.744
Bảo hiểm y tế	2.566.177	2.214.802
Bảo hiểm thất nghiệp	1.713.278	1.244.405
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	-	2.147.772
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	219.231.292	31.693.792
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.987.161.636	3.578.541.939
Cộng	5.705.003.625	3.856.673.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	264.563.403.829	264.563.403.829	180.611.849.313	180.611.849.313
Phải trả nhà cung cấp trong nước	39.700.136.314	39.700.136.314	20.273.857.847	20.273.857.847
Cộng	304.263.540.143	304.263.540.143	200.885.707.160	200.885.707.160

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước nước ngoài	9.916.215.713	9.916.215.713	11.145.282.564	11.145.282.564
Người mua trả tiền trước trong nước	1.364.415.230	1.364.415.230	1.155.513.000	1.155.513.000
Cộng	11.280.630.943	11.280.630.943	12.300.795.564	12.300.795.564

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	800.794.847.498	800.794.847.498	2.032.611.896.466	1.670.586.947.664	438.769.898.696	438.769.898.696
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	276.223.354.303	276.223.354.303	690.247.187.690	639.401.203.243	225.377.369.856	225.377.369.856
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	171.628.133.601	171.628.133.601	426.273.967.488	329.829.335.450	75.183.501.563	75.183.501.563
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	151.374.437.763	151.374.437.763	353.197.328.907	233.261.534.771	31.438.643.627	31.438.643.627
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (iv)	99.576.454.817	99.576.454.817	271.235.838.125	216.268.402.407	44.609.019.099	44.609.019.099
- Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (v)	37.681.324.615	37.681.324.615	94.732.024.255	76.856.464.385	19.805.764.745	19.805.764.745
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	30.146.984.505	30.146.984.505	78.964.554.067	48.817.569.562	-	-
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (vii)	30.096.673.200	30.096.673.200	87.664.963.214	87.699.864.820	30.131.574.806	30.131.574.806
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (viii)	4.067.484.694	4.067.484.694	30.296.032.720	38.452.573.026	12.224.025.000	12.224.025.000
Cộng	800.794.847.498	800.794.847.498	2.032.611.896.466	1.670.586.947.664	438.769.898.696	438.769.898.696

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo:

- Hợp đồng hạn mức số 01.06/2016-HỆTDH/M/NHCT340-ANPHAT ngày 01 tháng 06 năm 2015 với hạn mức cho vay là 350 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 05 năm 2017, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 83/2016-HỆTDH/M/KCNHD5 ngày 15 tháng 04 năm 2016; hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô La Mỹ. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 15 tháng 4 năm 2017, thời hạn vay vốn tối đa là 5 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 160060/NHNTHD ngày 02 tháng 08 năm 2016 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản với tổng trị giá 19.039.000.000 đồng.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng hạn mức số 01/2016/1347719/HỆTDHM ngày 25 tháng 05 năm 2016. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 05 năm 2017. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/31975334/HĐTD ngày 04 tháng 05 năm 2016 với tổng hạn mức tính dụng là 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 30 tháng 4 năm 2017, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo lãnh mở L/C. Lãi suất và các loại phí phát sinh được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng hàng tồn kho, tài sản cố định và các hình thức bảo lãnh từ các bên thứ ba khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2366.16.270.300401.TD ngày 13 tháng 01 năm 2016. Với hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, thời gian của hợp đồng hạn mức là 12 tháng, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khế ước nhận nợ (4,8%/năm). Mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 28230.16.270.300401.TD ngày 11 tháng 08 năm 2016. Với hạn mức cho vay là 130 tỷ đồng, thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 30/06/2017, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khế ước nhận nợ, thời hạn các khoản hạn mức không được quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp.

(v) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013, phụ lục bổ sung ngày 21 tháng 10 năm 2016 với hạn mức cho vay là 8.000.000 USD. Mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của dư nợ tín dụng kể từ ngày mở dư nợ tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới dư nợ tín dụng đó.

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng số 733816/2016/HMTD/VPBANK - ANPHAT ngày 19 tháng 05 năm 2016 với hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian của hạn mức 12 tháng, lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng ngày 16 tháng 3 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 2.500.000 USD, mục đích của khoản vay để sử dụng cho tín dụng thương mại nhập khẩu, các nhu cầu cho vay thanh toán nhập khẩu, chiết khấu chứng từ xuất khẩu, và các nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn khác.

(viii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng số 130000142120/10 ngày 15 tháng 8 năm 2016, hạn mức 1.500.000 usd, thời gian của hạn mức không quá 12 tháng, lãi suất vay là MFC 3 tháng cộng 1,39%/năm với VND, là Libor 3 tháng cộng 2,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định trên hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	314.644.998.038	314.644.998.038	201.167.733.424	57.785.396.652	171.262.661.266	171.262.661.266
- Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	120.300.000.000	120.300.000.000	68.000.000.000	14.000.000.000	66.300.000.000	66.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	105.934.685.106	105.934.685.106	84.886.662.224	13.223.316.932	34.271.339.814	34.271.339.814
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (iii)	51.599.241.732	51.599.241.732	12.009.000.000	26.407.454.720	65.997.696.452	65.997.696.452
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	27.385.000.000	27.385.000.000	26.846.000.000	4.154.625.000	4.693.625.000	4.693.625.000
- Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (v)	9.426.071.200	9.426.071.200	9.426.071.200	-	-	-
Vay cá nhân (vi)	92.606.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000	-	-	-
- Nguyễn Thế Hiếu	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	-	-	-
- Các cá nhân khác	40.606.640.000	40.606.640.000	40.606.640.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành (vii)	575.327.500.000	575.327.500.000	281.190.000.000	2.800.000.000	296.937.500.000	296.937.500.000
Cộng	982.579.138.038	982.579.138.038	574.964.373.424	60.585.396.652	468.200.161.266	468.200.161.266

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã đầu tư tài sản cố định trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9.3%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do tham gia dự án đầu tư 12 máy thổi màng nhựa. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, hàng tồn kho chậm luân chuyển.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 và năm 2015 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 36 - 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất từ 9,5%/năm - 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay trung và dài hạn 01/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 4.470.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để đầu tư xây dựng công trình máy che nhà máy số 5. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng vay trung và dài hạn 02/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 12 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7.968.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng vay trung và dài hạn 03/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9.886.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau (Tiếp theo):

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 4/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 25 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.970.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay trung và dài hạn 06/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 06 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.800.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay trung và dài hạn 05.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 05 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.800.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HĐTDDA/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015, giá trị vay tối đa là 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.
- Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 đồng. Khoản vay để nhập khẩu máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(iii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.139/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22/03/2016 với hạn mức tín dụng là 8.390.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 05 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.184/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3.619.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 48 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản hình thành từ vốn vay

(iv) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 150092/NHNTHD ngày 14 tháng 09 năm 2015 với tổng hạn mức là 784.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua 01 con xe Camry phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng cả nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160107/HNNTHD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 20.000.000.000 đồng (20 tỷ đồng). Mục đích của khoản vay là thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Chương án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh". Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong tháng 12 năm 2016 là 8,4%/năm và cố định trong 02 năm đầu tiên. Các năm tiếp theo xác định bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả sau cộng với mức biên (margin) là 2,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tiết kiệm có kỳ hạn số 04339616, kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương phát hành ngày 29/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(iv) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau (Tiếp theo):

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160107/HNNTHD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 20.000.000.000 đồng (20 tỷ đồng). Mục đích của khoản vay là thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Chương án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh". Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong tháng 12 năm 2016 là 8,4%/năm và có định trong 02 năm đầu tiên. Các năm tiếp theo xác định bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả sau cộng với mức biên (margin) là 2,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 04339616, kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương phát hành ngày 29/12/2016.

(v) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 1.995,00 USD, quy đổi là 44 tỷ đồng (đồng vay là USD). Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định là 20 máy thổi tốc độ cao. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng cách hình thức sau:

- Khoản ký quỹ trên tài khoản thanh toán tại Ngân hàng với số tiền là 4.500.000.000 đồng.

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 30331133.1TGKH/TCB tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 5.136.590.000 đồng

(vi) Các khoản vay cá nhân có lãi suất 6,5%/năm để bổ sung vốn kinh doanh lưu động.

(vii) Các khoản vay trái phiếu theo các hợp đồng sau:

- Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015 bên bán: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành là Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và đính kèm theo chứng quyền. Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng kể từ ngày phát hành và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Với mỗi một chứng quyền nhận được, người sở hữu chứng quyền được quyền mua 100 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành. Chứng quyền bắt đầu được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Thời hạn thực hiện chứng quyền là ba năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Mục đích phát hành trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được một (1) chứng quyền, tương ứng là 300.000 chứng quyền. Ngày phát hành 04 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/năm đầu tiên; Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đông- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng; toàn bộ 966.582 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh do Công ty nắm giữ và 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát do cá nhân nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(vii) Các khoản vay trái phiếu theo các hợp đồng sau (Tiếp theo)

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06/09/2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu. Ngày phát hành là 06/09/2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.
- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETINBANK.KCNHD - ANPHATYENBAI ngày 20/10/2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Số lượng là 130 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu. Ngân hàng mua trái phiếu với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh chính một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	396.000.000.000	147.501.567.329	-	31.389.007.730	14.053.617.323	187.992.781.673	9.388.849.208	786.325.823.263
Vốn góp tăng trong năm	98.999.880.000	(93.000.000)	-	-	-	-	-	98.906.880.000
Tăng trong năm	-	-	1.587.734.457	-	-	40.015.870.985	532.942.612	42.136.548.054
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.561.751.918	-	(10.469.641.990)	-	(5.907.890.072)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(101.099.880.000)	-	(101.099.880.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(876.213.000)	-	-	(876.213.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	494.999.880.000	147.408.567.329	1.587.734.457	35.950.759.648	13.177.404.323	116.439.130.668	9.921.791.820	819.485.268.245
Vốn góp tăng trong năm (i)	74.650.000.000	13.312.700.000	-	-	-	(4.000.000.000)	-	83.962.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	141.985.475.965	-	141.985.475.965
Tăng trong năm (ii)	-	-	205.250.085	-	-	-	-	205.250.085
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	-	-	2.324.127.281	-	(6.012.546.847)	939.541.652	(2.748.877.914)
Trả cổ tức năm 2015 (iii)	-	-	-	-	-	(34.649.991.600)	-	(34.649.991.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2016 (iv)	-	-	-	-	-	(51.899.988.000)	-	(51.899.988.000)
Giảm khác (v)	-	-	(1.587.734.457)	-	-	-	-	(1.587.734.457)
Số dư tại ngày 31/12/2016	569.649.880.000	160.721.267.329	205.250.085	38.274.886.929	13.177.404.323	161.862.080.186	10.861.333.472	954.752.102.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016 với vốn điều lệ là 569.649.880.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ - ĐHD ngày 19 tháng 03 năm 2016, Công ty mẹ phát hành 400.000 cổ phiếu thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015.

(ii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh tăng trong năm là do việc chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Nhựa Thakhek từ đồng Kip Lào (LAK) về đồng tiền ghi sổ của Công ty mẹ là Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

(iii) Việc phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ và Công ty con như sau:

Công ty mẹ: Phân chia các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ-ĐHD ngày 19 tháng 03 năm 2016, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8,4%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và chia cổ tức trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2015 với tỷ lệ 86,6%.

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái: Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2504/2016/NQ - ĐHD ngày 25 tháng 03 năm 2016, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 5%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 90% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(iv) Việc tạm chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 021710/2016/NQ-DHD ngày 17 tháng 10 năm 2016 ký ngày 17 tháng 10 năm 2016, theo đó thông qua việc tạm chi cổ tức với tỷ lệ 10% lấy từ nguồn lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016.

Mệnh giá CP phổ thông tại 30 tháng 6 năm 2016

518.999.880.000

Tỷ lệ tạm chia cổ tức

10%

Cổ tức tạm chia

51.899.988.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	494.999.880.000	396.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	98.999.880.000
- Vốn góp cuối năm	569.649.880.000	494.999.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	86.549.979.600	124.799.880.000

c. Cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.964.988	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

5.17. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại và bộ phận cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, trong năm 2016 Công ty có doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm 0,03% tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Công ty có hoạt động tại Hải Dương, Yên Bái và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào). Hoạt động kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ được thực hiện tại tỉnh Hải Dương và tỉnh Yên Bái. Trong năm 2016, Công ty TNHH Nhựa Thakhek không phát sinh doanh thu.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tỉnh Hải Dương	2.053.147.861.011	1.521.961.578.921
Tỉnh Yên Bái	90.621.947.839	92.587.368.980
Cộng	2.143.769.808.850	1.614.548.947.901

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tỉnh Hải Dương	2.701.745.529.047	1.546.804.043.009	902.585.350.113	36.391.237.988
Tỉnh Yên Bái	362.737.111.148	212.278.011.672	42.069.435.362	21.957.519.909
Nước CHDCND Lào	13.133.338.542	195.682.623.359	-	-
Cộng	3.077.615.978.737	1.954.764.678.040	944.654.785.475	58.348.757.897

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.145.496.749.447	1.616.048.818.116
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.818.239.968.392	1.479.133.809.216
- Doanh thu bán hàng hóa	326.510.366.055	134.456.596.502
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	746.415.000	2.458.412.398
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.726.940.597	1.499.870.215
- Giảm giá hàng bán	722.995.006	1.198.534.899
- Hàng bán bị trả lại	1.003.945.591	301.335.316
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.143.769.808.850	1.614.548.947.901

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm đã bán	1.528.321.331.144	1.294.778.621.643
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	308.413.066.006	128.999.091.382
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	963.443.710
Cộng	1.836.734.397.150	1.424.741.156.735

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	5.365.908.986	5.536.394.107
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.766.074.000	4.832.910.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.066.865.876	12.025.663.328
Cộng	30.198.848.862	22.394.967.435

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	27.284.472.139	24.065.811.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.834.186.936	24.714.728.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	10.808.822.854	1.211.216.521
Cộng	53.927.481.929	49.991.756.319

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.775.605.888	4.276.349.916
Chi phí nhân công	19.308.222.468	15.077.334.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.142.907.605	7.611.713.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.385.117.512	7.490.526.237
Chi phí khác bằng tiền	10.941.422.893	7.152.486.377
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	69.473.734	-
Cộng	62.622.750.100	41.608.410.264
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.145.408.690	30.899.191.738
Chi phí nhân công	3.184.599.230	3.372.990.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.123.931.485	3.201.986.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.675.359.527	31.497.801.798
Chi phí khác bằng tiền	4.752.836.530	6.258.080.206
Cộng	56.882.135.462	75.230.050.612

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty mẹ	20.779.241.810	8.146.508.617
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty con	2.913.203.215	1.883.126.034
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.692.445.025	10.029.634.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.778.688.656.593	1.288.906.687.583
Chi phí nhân công	120.200.514.862	79.885.086.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.930.214.649	83.366.700.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.868.354.297	99.291.995.820
Chi phí khác bằng tiền	45.883.778.275	13.410.566.583
Cộng	2.167.571.518.676	1.564.861.037.549

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu

a. Lợi nhuận (i)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	141.985.475.965	40.015.870.985
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(7.969.612.748)	(3.365.085.835)
- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo riêng của Công ty mẹ	130.649.389.312	54.758.545.610
- Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	6,1%	6,1%
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	134.015.863.217	36.650.785.150
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	134.015.863.217	36.650.785.150

(i) Theo hướng dẫn trình bày chỉ tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “mã số 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”.

(ii) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 là số liệu thực tế Công ty mẹ đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19 tháng 03 năm 2016. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu

b. Số cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	49.499.988	39.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2016	1.821.736	9.899.988
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành tại thời điểm cuối năm (i)	51.321.724	49.499.988
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	24.935.000	-
- Chứng quyền (*)	24.935.000	-
- Giấy nhận nợ có thể chuyển đổi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm (i)	76.256.724	49.499.988

(*) Xem chi tiết tại thuyết minh số (vii) – 5.15 – Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

(i) Chi tiết số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm 2016 như sau:

Ngày phát hành	Số cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ	Số cổ phiếu đã phát hành lũy kế	Thời gian lưu hành trong kỳ	Số cổ phiếu bình quân
01-01-16	49.499.988	49.499.988	366	49.499.988
27-04-16	783.330	50.283.318	249	532.921
03-05-16	800.000	51.083.318	243	531.148
04-05-16	816.670	51.899.988	242	539.984
12-12-16	1.600.000	53.499.988	20	87.432
13-12-16	216.000	53.715.988	19	11.213
15-12-16	1.184.000	54.899.988	17	54.995
16-12-16	1.465.000	56.364.988	16	64.044
31-12-16	-	56.364.988	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân				51.321.724

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.611	740
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.757	740
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 và 5.15 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	1.783.373.985.536	906.970.059.962
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>406.676.809.154</i>	<i>470.061.718.120</i>
Nợ thuần	1.376.697.176.382	436.908.341.842
Vốn chủ sở hữu	954.752.102.324	819.485.268.245
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	144,19%	53,31%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	406.676.809.154	470.061.718.120
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.762.976.326	157.059.705.983
Các khoản ký quỹ	3.789.210.700	37.190.398.970
Cộng	678.228.996.180	664.311.823.073
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.783.373.985.536	906.970.059.962
Phải trả người bán và phải trả khác	309.968.543.768	204.742.381.014
Chi phí phải trả	2.080.000.000	-
Cộng	2.095.422.529.304	1.111.712.440.976

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

	Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016
	USD	USD
Đô la Mỹ (USD)	10.522.202,41	11.116.022,66
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.166.288,97	6.651.809,70
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.355.913,44	4.464.212,96
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.684.863,74	1.033.950,65
Euro (EUR)	108.384,64	647,35
- Tiền và các khoản tương đương tiền	63.740,42	647,35
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.644,22	-
Bảng Anh (GPB)	89.800,65	1.096,67
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.864,12	1.096,67
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.936,53	-
Yên Nhật Bản (JYP)	5.930,00	55.060,00
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	55.060,00
Trung Quốc (CYN)	5.930,00	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.930,00	-
Đài Loan (TWD)	19.300,00	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.300,00	-
Euro (EUR)	-	1.450,00
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.450,00
	Công nợ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	45.592.691,91	21.149.945,28
- Các khoản vay	33.522.915,11	12.652.492,09
- Phải trả người bán và phải trả khác	11.634.716,85	8.043.195,94
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	435.059,95	454.257,25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	406.676.809.154	-	406.676.809.154
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.762.976.326	-	267.762.976.326
Các khoản ký quỹ	3.789.210.700	-	3.789.210.700
Cộng	678.228.996.180	-	678.228.996.180
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	309.968.543.768	-	309.968.543.768
Chi phí phải trả	2.080.000.000	-	2.080.000.000
Các khoản vay	800.794.847.498	982.579.138.038	1.783.373.985.536
Cộng	1.112.843.391.266	982.579.138.038	2.095.422.529.304
Chênh lệch thanh khoản thuần	(434.614.395.086)	(982.579.138.038)	(1.417.193.533.124)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	470.061.718.120	-	470.061.718.120
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.059.705.983	-	157.059.705.983
Các khoản ký quỹ	37.190.398.970	-	37.190.398.970
Cộng	664.311.823.073	-	664.311.823.073
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	204.742.381.014	-	204.742.381.014
Các khoản vay	438.769.898.696	468.200.161.266	906.970.059.962
Cộng	643.512.279.710	468.200.161.266	1.111.712.440.976
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.799.543.363	(468.200.161.266)	(447.400.617.903)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	1.965.516.386	1.878.071.040
Cộng	2.889.516.386	2.802.071.040

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu “Trái phiếu chuyển đổi” trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được phân loại lại tại chỉ tiêu “Vay và nợ tài chính dài hạn” theo nội dung hợp đồng mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015.

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	2.122.863.876.413	-	2.122.863.876.413
II. Nợ dài hạn	330	453.200.161.266	-	453.200.161.266
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	171.262.661.266	296.937.500.000	468.200.161.266
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	296.937.500.000	(296.937.500.000)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3.077.615.978.737	-	3.077.615.978.737

Phạm Ánh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA & MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Địa chỉ: Lô CN 11 + CN 12, Cụm công nghiệp An Đồng,
Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

ĐT: +84-320-3.755.997 hoặc +84-320-3.755.998

Fax: +84-320-3.755.113 - Email: anphat@anphatplastic.com